

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

HÀ NỘI, THÁNG 06/2020

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

I. Các quyết định, thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 bằng văn bản.
2. Thông báo chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 bằng văn bản.

II. Các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020.
2. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính năm 2020.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020.

III. Các tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2019.
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
3. Mức thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020.
4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020.

IV. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nơi nhận:

- Cổ đông của TCT;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Niêm yết tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hội

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông năm 2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CP

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;

Căn cứ Nghị quyết số 346/NQ-MĐI-HĐQT ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cụ thể như sau:

1. Thời gian

1.1. Thời gian thực hiện: Ngày 20 tháng 6 năm 2020.

1.2. Thời gian trả lời phiếu lấy ý kiến: Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tính theo đầu bưu điện).

2. Nội dung

2.1. Thông qua các báo cáo

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán (kèm theo thư kiểm toán) và kế hoạch tài chính năm 2020.

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2019; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.

2.2. Thông qua các tờ trình và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ

- Phương án phân chia lợi nhuận năm 2019.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Mức thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020.

- Và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

3. Thành phần

Tất cả các cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 15/6/2020.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc triển khai các công việc cần thiết để chuẩn bị và tổ chức Đại hội theo đúng quy định tại điều lệ của TCT và pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, chi nhánh của Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cổ đông TCT;
- Ban kiểm soát TCT;
- Niêm yết tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu HĐQT - VT.



Nguyễn Văn Hội

THÔNG BÁO

V/v: Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông năm 2020

Kính gửi: Quý cổ đông của Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần

Căn cứ Nghị quyết số 34b/NQ-MĐI-HĐQT ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần;

Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần xin trân trọng thông báo tới Quý cổ đông về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của Tổng công ty như sau:

- 1. Thời gian thực hiện:** Ngày 20 tháng 6 năm 2020.
- 2. Thời gian chốt danh sách:** 17h00' ngày 15 tháng 6 năm 2020.
- 3. Thông báo tổ chức Đại hội và tài liệu Đại hội:** Được đăng tải trên website của Tổng công ty và gửi đến Quý cổ đông theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BTGD TCT;
- Các phòng ban, Chi nhánh TCT;
- Niêm yết tại Tổng công ty;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Hội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Kết quả hoạt động năm 2019; Kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông,

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định, Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần trân trọng báo cáo Đại hội kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020, như sau:

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

I. Kết quả hoạt động năm 2019

Năm 2019 kinh tế thế giới và Việt Nam diễn biến tích cực, kinh tế vĩ mô trong nước ổn định. Tuy nhiên, thị trường đường tiếp tục gặp nhiều khó khăn: Tình hình buôn lậu, bán phá giá, trốn thuế, gian lận thương mại và hàng giả diễn biến phức tạp, công khai và gia tăng ở nhiều tỉnh thành trong cả nước; Tiêu thụ khó khăn, giá bán đường giảm sâu, tồn kho lớn - các doanh nghiệp mía đường đứng trước nguy cơ thua lỗ, phải đóng cửa hoặc phá sản.

Tổng công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các chỉ thị, nghị quyết của HĐQT. Kết quả đạt được như sau:

I.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tổng hợp

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2018 | Năm 2019 | | So sánh | |
|-----|-------------------------|---------|--------------------|-----------|-----------|---------------|---------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | TH2019/TH2018 | TH2019/KH2019 |
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1.401,578 | 1.173,315 | 989,467 | 70,60% | 84,33% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 26,689 | 8,003 | 2,689 | 10,08% | 33,60% |
| 3 | Nộp ngân sách NN | Tỷ đồng | 3,069 | 2,537 | 1,574 | 51,28% | 62,03% |
| 4 | Thu nhập BQ NLĐ (ng/th) | Tr.đồng | 15,005 | 13,162 | 12,938 | 86,23% | 98,30% |

I.2. Kết quả thực hiện kế hoạch tác nghiệp

1. Sản xuất mía đường⁽¹⁾

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

a) Sản xuất nông nghiệp: Tổng diện tích mía năm 2019 đạt 6.604 ha - giảm 17% so với năm 2018 và đạt 85,2% kế hoạch; Sản lượng mía sạch đạt 426.409 tấn - giảm 8% so với năm 2018 và đạt 85,3% kế hoạch; Năng suất mía bình quân đạt 64,6 tấn/ha - tăng 11% so với năm 2018 và đạt 100,1% kế hoạch.

b) Sản xuất công nghiệp: Tổng sản lượng đường đạt 43.343 tấn - giảm 6% so với năm 2018 và đạt 86,4% kế hoạch; Mật rỉ đạt 18.218 tấn - tăng 3% so với năm 2018 và đạt 97,3% kế hoạch; Phân bón đạt 7.703 tấn - giảm 40% so với năm 2018 và đạt 64,2% kế hoạch; Điện năng đạt 28,444 triệu kw - đạt 59% kế hoạch.

d) Tiêu thụ: Tổng lượng đường tiêu thụ đạt 47.790 tấn - tăng 4% so với năm 2018 và đạt 95,3% kế hoạch (giá bán đường bình quân 10.208 đồng/kg - giảm 13% so với năm 2018 và đạt 100,1% kế hoạch); Mật rỉ đạt 19.916 tấn - tăng 16% so với năm 2018 và đạt 106,4% kế hoạch; Phân bón đạt 7.914 tấn - giảm 38% so với năm 2018 và đạt 65,9% kế hoạch; Điện năng đạt 19,177 triệu kw - đạt 40% kế hoạch.

c) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Doanh thu đạt 570,837 tỷ đồng - giảm 7% so với năm 2018 và đạt 85,8% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế lỗ 87,476 tỷ đồng.

⁽¹⁾ Số liệu chưa bao gồm của Công ty đường mía Việt Nam - Đài Loan

1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Ngành mía đường Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn đặc biệt nghiêm trọng. Đặc biệt từ vụ 2015-2016, tình hình bán phá giá, buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại diễn ra hỗn loạn, công khai và gia tăng ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Năm 2019 là năm thứ 3 liên tiếp tiêu thụ đường rất chậm, tồn kho rất lớn. Công ty Sơn Dương đã phát huy mọi nguồn lực; Bổ sung chính sách hỗ trợ người trồng mía và quyết liệt bám sát đồng ruộng để cố gắng duy trì vùng nguyên liệu mía; Quyết liệt tập trung cải thiện sâu các chỉ tiêu sản xuất chế biến để nâng cao hiệu quả sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ bằng chính sách và giải pháp bán hàng linh hoạt theo cơ hội thị trường; Mặt khác, chú trọng dự báo sớm, thực hiện tiết giảm sâu, hạ giá thành sản phẩm - góp phần tích cực giảm lỗ.

2. Sản xuất bánh kẹo, bia, rượu

2.1. Sản xuất bánh kẹo

a) Kết quả sản xuất kinh doanh

a₁) Sản lượng sản phẩm: Tổng sản lượng đạt 32.903 tấn - tăng 3,5% so với năm 2018 và đạt 70% kế hoạch, trong đó gia vị thực phẩm đạt 25.471 tấn - tăng 3,19% so với năm 2018 và đạt 71,75% kế hoạch; Bánh kẹo đạt 7.348 tấn - tăng 5,65% so với năm 2018 và đạt 70,68% kế hoạch; Sản phẩm còn lại (thạch, snack, mứt tết, đường túi) đạt 84 tấn.

a₂) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Doanh thu đạt 837,717 tỷ đồng - tăng 9,09% so với năm 2018 và đạt 79,51% KH.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 19,918 tỷ đồng - tăng 14,56% so với năm 2018 và đạt 66,37% kế hoạch năm.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Năm 2019, Công ty Hải Châu quyết liệt tổ chức lại khối phát triển sản phẩm, khối sản xuất, khối bán hàng và khối kinh tế - tài chính: *Về phát triển sản phẩm:* đổi mới công thức, định mức kinh tế kỹ thuật sản phẩm tiên bộ; Tăng cường thay thế và sử dụng vật tư, nguyên liệu mới; Đổi mới thiết kế bao bì sản phẩm phong cách truyền thống, hiện đại, bắt mắt; Tăng cường hợp tác với các chuyên gia trong và ngoài nước nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. *Về sản xuất:* đổi mới thật sự công tác chuẩn bị; Chú trọng điều hành, điều độ và tác nghiệp thời vụ khoa học, hiệu quả; Quyết liệt hợp lý hóa, tổ chức sản xuất tinh gọn và triển khai 5S - tập trung 6 dây chuyền: kẹo, kem xốp, bột canh, bánh qui, lương khô, bánh mì. *Về bán hàng:* xây dựng bộ sản phẩm theo thời vụ, vùng miền, kênh phân phối và đối tượng khách hàng; Tổ chức đánh giá kênh, tuyến, nhà phân phối và điểm bán; Kiện toàn, nâng cao hiệu quả của đội ngũ bán hàng; Quyết liệt đổi mới quản lý, điều hành bán hàng, chủ động các giải pháp đẩy hàng và tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu. *Về kinh tế - tài chính:* chủ động rà soát, cân đối sát kế hoạch năm 2019 và cân đối sớm cho năm 2020; Kiểm soát chặt chẽ sử dụng vật tư, hàng hóa, bao bì và tồn kho; Chủ động cân đối vốn cho sản xuất và đầu tư phát triển; Tăng cường quản lý chặt chẽ tài sản, vốn, tiền - hàng và công nợ; Kiểm soát đầu tư mua sắm, chi tiêu nội bộ, ... và giá thành sản phẩm; Tổ chức lại công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, hiệu suất lao động và hiệu quả SXKD.

2.2. Sản xuất bia - rượu

a) Kết quả sản xuất kinh doanh

a₁) Sản lượng sản phẩm: Sản lượng bia sản xuất (quy lít) đạt 9,660 triệu lít - tăng 13,23% so với năm 2018 và đạt 92,57% kế hoạch (trong đó bia hơi đạt 9,353 triệu lít - tăng 14,48% so với năm 2018 và đạt 93,53% kế hoạch); Rượu đạt 2.200 lít.

a₂) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Doanh thu đạt 94,245 tỷ đồng - tăng 12,93% so với năm 2018 và vượt 77,60% KH.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,287 tỷ đồng - giảm 52% so với năm 2018 và vượt 8,97% kế hoạch năm.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Công ty Viger đã thực hiện nhiều giải pháp cải tiến công nghệ, chất lượng sản phẩm, bao bì, mẫu mã; Tập trung tổ chức sản xuất bia theo khung thời vụ kết hợp gia công sản phẩm thạch và nước giải khát trên cơ sở kế hoạch tác nghiệp cụ thể, khai thác hiệu quả các nguồn lực và tận dụng tốt nhất các cơ hội kinh doanh. Tiếp tục tổ chức lại hệ thống bán hàng - tập trung tăng độ phủ của sản phẩm và thị phần. Mặt khác, cơ chế, chính sách

bán hàng được linh hoạt theo từng vùng thị trường, các vùng chủ động điều tiết các chương trình kích cầu để gia tăng sản lượng sản phẩm tiêu thụ.

3. Thương mại và dịch vụ

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Doanh thu thương mại dịch vụ đạt 964,742 tỷ đồng - giảm 30% so với năm 2018 và đạt 84,33% kế hoạch năm.

3.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Văn phòng TCT và Công ty Thương mại tư vấn & đầu tư tập trung tổ chức lại hoạt động thương mại, dịch vụ, cùng hợp lực đối phó khó khăn của thị trường, trong đó quyết liệt tìm kiếm, mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động thương mại dịch vụ, tận dụng tối đa cơ hội thị trường để tổ chức kinh doanh; Mặt khác, tích cực khai thác các nguồn nguyên liệu đầu vào từ nhập khẩu và trong nước - thực hiện tốt vai trò kết nối cung ứng vật tư kỹ thuật, bao bì và phụ tùng, thiết bị cho các đơn vị trong TCT - góp phần kiểm soát giá cả và chất lượng.

II. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quyết liệt tái cơ cấu, cải thiện năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp, trong đó tổ chức sản xuất mía đường theo chuỗi liên kết - trọng tâm là thực hiện chính sách cam kết đầu tư phát triển mía lâu dài; Tổ chức sản xuất sản phẩm sau đường theo hướng đầu tư phát triển sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt, nâng cao năng lực sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm; Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và sáng kiến cải tiến; Giám sát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật; Tập trung đổi mới và phát triển tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; Phát triển thương mại và dịch vụ trên cơ sở phát huy sâu kết nối nội khối và phát triển mạnh ra bên ngoài; Quản lý chặt chẽ các nguồn lực; Kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm lỗi, hiệu quả thấp; Thực hiện tiết giảm sâu và giảm giá thành sản phẩm.

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch HĐQT thường xuyên họp và làm việc với Ban điều hành để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ giải quyết công việc. Tài liệu của Hội đồng quản trị phát hành được gửi tới Ban kiểm soát theo đúng quy định. Các cuộc họp HĐQT (trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đều mời BKS tham dự. Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát để chủ động giám sát, đánh giá và đưa ra các khuyến cáo, khuyến nghị, nhằm bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và hữu hiệu nhất.

2. Đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty

Năm 2019, Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty đã quyết liệt thực hiện các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; Các khuyến nghị của Ban kiểm soát; Thực hiện nhiệm vụ và chương trình công tác của Ban điều hành; Cơ bản tuân thủ các quy định của Nhà nước, điều lệ và định chế nội bộ của Công ty (*kết quả đạt được như đã đánh giá tại mục I của báo cáo này*).

PHẦN II: KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020

Năm 2020, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức; Biến động tỷ giá, lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Hội nhập quốc tế sâu rộng, xóa bỏ hạn ngạch và giảm thuế nhập khẩu theo các hiệp định thương mại; ... Biến đổi khí hậu, thời tiết bất thường vẫn là yếu tố khó lường. Mặt khác, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thị trường các ngành hàng của Tổng công ty và các đơn vị diễn biến phức tạp: *Thị trường đường* - tiêu thụ khó khăn, giá đường tiếp tục giảm sâu, nhiều nhà máy đường thua lỗ nghiêm trọng, diện tích mía nguyên liệu giảm từ 30% - 60% tổng diện tích. Thiếu mía nguyên liệu, các nhà máy duy trì sản xuất công suất mức thấp, một số nhà máy phải tạm dừng hoặc có thể phá sản trong năm 2020. *Thị trường bánh kẹo, gia vị thực phẩm, đồ uống* cạnh tranh gay gắt, thương hiệu Việt đang dần mất thị phần trên sân nhà, nhiều thương hiệu nước ngoài (Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc ...) chiếm lĩnh thị trường trong nước, được người tiêu dùng biết đến và ưa chuộng.

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

I.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Tổng công ty

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 | So sánh KH 2020/ TH 2019 |
|-----|-------------------------|------------|-------------------|--------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1.326,810 | 134,09% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 4,562 | 169,64% |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 0,845 | 53,70% |
| 4 | Thu nhập BQ NLD (ng/th) | Triệu đồng | 12,673 | 97,95% |

I.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh mía đường

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 | So sánh KH 2020/ TH 2019 |
|-----|----------------------|----------|-------------------|--------------------------|
| 1 | Sản xuất nông nghiệp | | | |
| 1.1 | Diện tích | Ha | 4.197 | 63,5% |
| 1.2 | Năng suất | Tấn/ha | 54,3 | 84% |
| 1.3 | Sản lượng mía sạch | Tấn | 224.124 | 53,5% |
| 2 | Chế biến công nghiệp | | | |
| 2.1 | Giá trị SXCN | Tỷ đồng | 334,950 | 68,3% |
| 2.2 | Sản lượng | | | |
| - | Đường | Tấn | 23.385 | 53,9% |
| - | Mật ri | Tấn | 8.517 | 46,7% |
| - | Phân bón | Tấn | 7.000 | 90,8% |
| - | Điện | 1.000 kW | 33.250 | 116,9% |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 379,246 | 66,4% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | (50,087) | 57,2% |

I.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh bánh kẹo, bia, rượu

1. Sản xuất kinh doanh bánh kẹo

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 | So sánh KH 2020/ TH 2019 |
|-----|----------------------|-----------|-------------------|--------------------------|
| 1 | Giá trị SXCN | Tỷ đồng | 303,935 | 120,39% |
| 2 | Sản lượng sản phẩm | | | |
| 2.1 | Gia vị thực phẩm | Tấn | 30.091 | 107,30% |
| 2.2 | Bánh kẹo | Tấn | 7.961 | 107,60% |
| 2.3 | Snack | Tấn | 148 | - |
| 2.4 | Thạch | Tấn | 144 | 288,00% |
| 2.5 | Đồ uống | 1.000 lít | 1.255 | - |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 938,536 | 112,04% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 14,951 | 75,06% |

2. Sản xuất kinh doanh bia, rượu

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 | So sánh KH 2020/ TH 2019 |
|-----|----------------------|------------|-------------------|--------------------------|
| 1 | Giá trị SXCN | Triệu đồng | 25.455,0 | 75,51% |
| 2 | Sản lượng sản phẩm | | | |
| 2.1 | Bia quy lít | 1.000 lít | 8.300 | 85,92% |
| 2.2 | Rượu | 1.000 lít | 10 | 454,55% |
| 3 | Doanh thu thuần | Triệu đồng | 47.394,0 | 50,29% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 142,0 | 11,03% |

I.4. Kế hoạch thương mại, dịch vụ

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 | So sánh KH 2020/ TH 2019 |
|-----|-------------------------------|-----|-------------------|--------------------------|
| 1 | Sản lượng sản phẩm kinh doanh | | | |
| 1.1 | Đường các loại | Tấn | 61.600 | 155,22% |

| | | | | |
|-----|-------------------------------|---------|-----------|---------|
| 1.2 | Mật ri | Tấn | 5.000 | 126,28% |
| 1.3 | Vật tư nông nghiệp | Tấn | 11.000 | 174,24% |
| 1.4 | Vật tư sản xuất | Tấn | 33.104 | 105,54% |
| 1.5 | Thiết bị, phụ tùng | Tỷ đồng | 40,464 | 74,87% |
| 2 | Doanh thu thương mại, dịch vụ | Tỷ đồng | 1.306,603 | 135,44% |

1.5. Kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn năm 2020 đến năm 2025

1. Tại Công ty CP mía đường Sơn Dương

1.1. Thực hiện chương trình tái cơ cấu giai đoạn năm 2020 đến năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| Stt | Chi tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----------|-----------------------------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| I | Mía nguyên liệu | | | | | | | |
| 1 | Diện tích thu hoạch | Ha | 4.197 | 6.967 | 9.467 | 10.467 | 11.267 | 12.067 |
| 2 | Năng suất | Tấn/ha | 55 | 62 | 64 | 65 | 65 | 67 |
| 3 | Sản lượng mía | Tấn | 228.000 | 425.475 | 596.800 | 670.150 | 721.370 | 791.923 |
| II | Sản xuất công nghiệp | | | | | | | |
| 1 | Giá trị TSL | Tr.đ | 334.950 | 384.821 | 531.307 | 608.574 | 658.251 | 749.698 |
| 2 | Sản lượng sản xuất | | | | | | | |
| 2.1 | Sản phẩm đường SX | Tấn | 23.385 | 45.375 | 64.264 | 72.955 | 79.396 | 88.122 |
| 2.2 | Mật ri | Tấn | 8.517 | 16.168 | 22.678 | 25.466 | 27.412 | 30.093 |
| 2.3 | Phân bón HCK | Tấn | 7.000 | 23.500 | 33.000 | 38.500 | 44.500 | 50.000 |
| 2.4 | Điện | 1.000Kw | 33.250 | 55.269 | 62.565 | 63.193 | 63.646 | 70.564 |

1.2. Hiệu quả tái cơ cấu

1.2.1. Hiệu quả từ xử lý tài chính và cơ cấu lại các khoản nợ ngân hàng

- Giảm tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào của mía nguyên liệu: 34,981 tỷ đồng.
- Giảm số nợ phải trả đến hạn trong năm 2020 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển: 13.621.104.000 đồng.

- Giảm số nợ phải trả đến hạn trong năm 2020 tại Ngân hàng phát triển: 13.790.000.000 đồng.

1.2.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

a) Kết quả sản xuất

Khai thác tối đa công suất các dây chuyền đường, phân hữu cơ khoáng và nhà máy điện - công suất ép bình quân của 2 nhà máy đường đạt 5.300 TMN (bằng 98% công suất thiết kế; Công suất bình quân của 2 dây chuyền phân bón đạt 33.583 tấn/năm (bằng 84% công suất thiết kế); Công suất bình quân của nhà máy điện đạt 59.571.000 kw/năm.

b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

| Stt | Nội dung | ĐVT | Lợi nhuận kế hoạch trước thuế | | | | | |
|-----------|--------------------------------------|------|-------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | | | Vụ 19/20 | Vụ 20/21 | Vụ 21/22 | Vụ 22/23 | Vụ 23/24 | Vụ 24/25 |
| I | KỊCH BẢN 1 - GIÁ MÍA 800 Đ/KG | | | | | | | |
| 1 | Giá đường = 11.500 đ/kg | Tr.đ | (30.651) | (14.661) | (4.253) | 19.737 | 51.489 | 113.785 |
| 2 | Giá đường = 12.000 đ/kg | Tr.đ | (17.065) | 6.947 | 26.349 | 54.478 | 89.297 | 155.748 |
| 3 | Giá đường = 12.500 đ/kg | Tr.đ | (3.479) | 28.554 | 56.951 | 89.219 | 127.105 | 197.711 |
| 4 | Giá đường = 13.000 đ/kg | Tr.đ | 10.107 | 50.161 | 87.553 | 123.959 | 164.913 | 239.673 |
| II | KỊCH BẢN 2 - GIÁ MÍA 850 Đ/KG | | | | | | | |
| 1 | Giá đường = 11.500 đ/kg | Tr.đ | (44.189) | (32.585) | (33.805) | (23.060) | 3.316 | 51.932 |
| 2 | Giá đường = 12.000 đ/kg | Tr.đ | (30.603) | (10.978) | (3.203) | 11.681 | 41.123 | 93.894 |
| 3 | Giá đường = 12.500 đ/kg | Tr.đ | (17.017) | 10.629 | 27.399 | 46.422 | 78.931 | 135.857 |
| 4 | Giá đường = 13.000 đ/kg | Tr.đ | (3.431) | 32.236 | 58.001 | 81.163 | 116.739 | 177.820 |
| C | KỊCH BẢN 3 - GIÁ MÍA 900 Đ/KG | | | | | | | |
| 1 | Giá đường = 11.500 đ/kg | Tr.đ | (57.170) | (53.484) | (63.130) | (55.989) | (32.131) | 13.019 |
| 2 | Giá đường = 12.000 đ/kg | Tr.đ | (43.584) | (31.877) | (32.528) | (21.249) | 5.677 | 54.982 |
| 3 | Giá đường = 12.500 đ/kg | Tr.đ | (29.998) | (10.270) | (1.926) | 13.492 | 43.485 | 96.944 |
| 4 | Giá đường = 13.000 đ/kg | Tr.đ | (16.412) | 11.338 | 28.676 | 48.233 | 81.293 | 138.907 |

1.2.3. Hiệu quả của cổ đông: Đến năm 2025 chỉ tiêu cổ tức tương ứng với giá đường 11.500 đ/kg; 12.000 đ/kg; 12.500 đ/kg và 13.000 đ/kg theo các kịch bản giá mía như sau:

- Giá mía nguyên liệu 800 đ/kg: Cổ tức 8%; 12%; 30% và 30%;
- Giá mía nguyên liệu 850 đ/kg: Cổ tức 5%; 8%; 15% và 25%;
- Giá mía nguyên liệu 900 đ/kg: Cổ tức 0%; 5%; 10% và 15%.

Tuy nhiên, nếu không được Chính phủ tái cơ cấu Ngành mía đường, thì Công ty CP mía đường Sơn Dương sẽ không cơ cấu lại được các nguồn lực, tài chính khó khăn, thiếu vốn để duy trì sản xuất - Công ty sẽ phải công bố dừng sản xuất từ vụ 2021 - 2022, đến khi được xử lý và đủ điều kiện phục hồi sản xuất hoặc bán khoán cho thuê (nếu có).

2. Tại Công ty CP bánh kẹo Hải Châu

2.1. Thực hiện chương trình tái cơ cấu giai đoạn năm 2020 đến năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1.1. Phát triển sản xuất

Phát triển nhanh, mạnh sản phẩm khác biệt, sản phẩm mới, đa dạng mẫu mã chủng loại; tạo giá trị và lợi ích dịch vụ tăng cao cho khách hàng. Tiếp tục thực hiện chương trình đầu tư phát triển, tăng quy mô sản xuất, trong đó tập trung hoàn thiện giai đoạn 2 nhà máy II tại Nghệ An và đầu tư xây dựng nhà máy III tại Vĩnh Long. Cụ thể:

a) Nhóm sản phẩm bánh

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất bánh đạt 30.000 tấn - tăng 9,09% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm bánh các loại đạt 16.329 tấn, tăng 212,09% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 14,09%/năm.

b) Nhóm sản phẩm kẹo

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất kẹo đạt 900 tấn - tăng 12,5% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025, sản phẩm kẹo các loại đạt 738 tấn, tăng 182,05% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 23,21%/năm.

c) Nhóm sản phẩm gia vị thực phẩm

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất gia vị thực phẩm đạt 90.000 tấn - tăng 125% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm gia vị thực phẩm đạt 79.811 tấn, tăng 165,23% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 43,95%/năm.

d) Nhóm sản phẩm đồ uống

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025 năng lực sản xuất dòng sản phẩm nước giải khát đạt 42 triệu lít/năm - tăng 600% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm đồ uống đạt 37,905 triệu lít, tăng 2.921% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 829%/năm.

2.1.2. Phát triển thị trường, thị phần

a) Thị trường trong nước: Phát triển mạnh và sâu thị trường bán lẻ tại 63 tỉnh thành - đến năm 2025 sau khi mở rộng và tổ chức lại đạt 85.000 điểm bán lẻ tăng 40% so với năm 2020.

b) Thị trường thế giới

- Xuất khẩu bánh, kẹo: đến năm 2025 có 10% ÷ 15% sản lượng sản xuất được xuất khẩu sang Châu Á.

- Xuất khẩu gia vị thực phẩm: đến năm 2025 có 5% ÷ 10% sản lượng sản xuất được xuất khẩu sang các nước Châu Á.

2.1.3. Phát triển năng lực tài chính

Nâng cao năng lực hệ thống quản lý tài chính, xây dựng nguồn lực tài chính mạnh, ít rủi ro, cải thiện các chỉ tiêu tài chính; Cân đối vốn và kiểm soát chi phí cao. Trong đó,

tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ lên 238,962 tỷ đồng theo phương án chào bán cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 619/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 20/9/2018 (tăng thêm 116,667 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019).

2.2. Hiệu quả tái cơ cấu

2.2.1. Doanh thu đến năm 2025 đạt 2.802 tỷ đồng, tăng 198,56% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 59,81%/năm.

2.2.2. Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD đến năm 2025 đạt 51,834 tỷ đồng, tăng 247% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 73,34%/năm.

2.2.3. Cổ tức đến năm 2025 đạt 15% - tăng 150% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 45,31%/năm.

II. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo, điều hành, thực hiện đồng bộ nhiệm vụ và giải pháp thiết thực để đẩy mạnh SXKD, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020, vụ ép 2019-2020 & 2020-2021.

2. Quyết liệt tái cơ cấu, tổ chức lại toàn diện hoạt động SXKD thật sự tinh, gọn và hiệu quả - *trọng tâm* là tổ chức - bộ máy, hệ thống sản xuất và hệ thống bán hàng.

3. Phát triển mạnh hoạt động thương mại, dịch vụ theo hướng đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tăng quy mô kinh doanh, tăng doanh số và hiệu quả hoạt động tại Tổng công ty và các doanh nghiệp.

4. Đầu tư phát triển sản xuất - *trọng tâm*: Thực hiện đầu tư phát triển sản phẩm và đầu tư một số dự án (*Hải Châu*); Nghiên cứu đầu tư sản xuất bia, rượu (*Viger*).

5. Tập trung cơ cấu lại vốn, bảo toàn vốn và tăng cường quản lý tài sản, tiền vốn; Quản lý chặt chẽ đầu tư, mua sắm và tiêu thụ sản phẩm; Quản lý chặt chi tiêu ... và tăng cường thực hiện các giải pháp đồng bộ, toàn diện tiết giảm sâu - hạ giá thành sản phẩm; Thực hiện bảo toàn và phát triển vốn.

6. Chú trọng đổi mới, cải thiện quản trị sản xuất kinh doanh - *trọng tâm* là xây dựng quản trị tiên tiến, chế độ làm việc năng động, hiệu quả; Xây dựng môi trường văn minh, thân thiện, giàu sức học tập và sức sáng tạo; Thực hiện chế độ trách nhiệm cao, kỷ luật cao. Giữ vững tổ chức, chăm lo việc làm, thu nhập người lao động.

7. Tăng cường giám sát, tự kiểm tra và kiểm tra lại ở tất cả các cấp quản lý, điều hành. Chú trọng kiểm soát rủi ro; Chủ động ngăn ngừa sai phạm và chấn chỉnh kịp thời.

III. Tổ chức thực hiện

Mỗi cấp quản lý, điều hành xây dựng chương trình, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp hữu hiệu và kế hoạch tác nghiệp sâu. Mỗi vị trí công việc tự xây dựng chương trình nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ sâu và kế hoạch công tác chi tiết, tin cậy.

Trên đây là báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- HĐQT, BKS, B.TGD TCT;
- Các phòng ban, đơn vị TCT;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hội

PHU LỤC 1:**TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020
CỦA TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN***(Kèm theo báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần về kết quả SXKD năm 2019; Phương hướng nhiệm vụ năm 2020)*

| Stt | Chi tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2018 | Năm 2019 | | Kế hoạch năm 2020 | So sánh | | |
|----------------------------|--|---------------|--------------------|---------------|---------------|-------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | | TH 2019/ TH 2018 | TH 2019/ KH 2019 | KH 2020/ TH 2019 |
| I | SP kinh doanh chủ yếu | | | | | | | | |
| 1 | Đường các loại | Tấn | 58.046 | 43.550 | 39.685 | 61.600 | 68,37% | 91,13% | 155,22% |
| 2 | Mật ri | Tấn | 9.296 | 10.000 | 3.959 | 5.000 | 42,59% | 39,59% | 126,28% |
| 3 | Vật tư nông nghiệp | Tấn | 6.700 | 17.060 | 6.313 | 11.000 | 94,22% | 37,00% | 174,24% |
| 4 | Vật tư sản xuất | Tấn | 30.507 | 32.325 | 31.367 | 33.104 | 102,82% | 97,04% | 105,54% |
| 5 | Thiết bị, phụ tùng | Tỷ đ | 75,650 | 75,029 | 54,043 | 40,464 | 71,44% | 72,03% | 74,87% |
| III | Kết quả kinh doanh | | | | | | | | |
| 1 | Doanh thu hợp nhất | Tỷ đ | 1.400,440 | 1.173,315 | 989,467 | 1.326,810 | 70,65% | 84,33% | 134,09% |
| | DT thương mại dịch vụ | Tỷ đ | 1.366,304 | 1.149,767 | 964,742 | 1.306,603 | 70,61% | 83,91% | 135,44% |
| | DT tài chính, DT khác | Tỷ đ | 34,135 | 23,548 | 24,726 | 20,206 | 72,43% | 105,00% | 81,72% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đ | 26,689 | 8,003 | 2,689 | 4,510 | 10,08% | 33,60% | 167,72% |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đ | 5,758 | 2,537 | 1,574 | 0,835 | 27,34% | 62,04% | 53,05% |
| IV | Thu nhập BQ NLĐ (ng/thg) | 1.000đ | 15.005 | 13.162 | 12.938 | 12.673 | 86,23% | 98,30% | 97,95% |
| V | Cổ tức | | | | | | | | |
| CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ | | | | | | | | | |
| I | VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY | | | | | | | | |
| 1 | Sản phẩm kinh doanh | | | | | | | | |
| | Đường các loại | Tấn | 58.046 | 43.550 | 39.685 | 61.600 | 68,37% | 91,13% | 155,22% |
| | Mật ri | Tấn | 9.296 | 10.000 | 3.959 | 5.000 | 42,59% | 39,59% | 126,28% |
| | Hàng hóa khác | Tỷ đ | 0 | 3,500 | 0,000 | 0,000 | | | |
| | Xây lắp | Tỷ đ | 98,843 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | | | |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đ | 816,382 | 503,984 | 436,940 | 753,102 | 53,52% | 86,70% | 172,36% |
| | DT thương mại dịch vụ | Tỷ đ | 782,246 | 480,436 | 412,580 | 732,895 | 52,74% | 85,88% | 177,64% |
| | DT tài chính, DT khác | Tỷ đ | 34,135 | 23,548 | 24,360 | 20,206 | 71,36% | 103,45% | 82,95% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đ | 24,903 | 6,052 | (0,522) | 0,336 | | | |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đ | 4,794 | 1,138 | 0,000 | 0,000 | | | |
| 5 | Thu nhập BQ NLĐ (ng/thg) | 1.000đ | 15.152 | 13.162 | 13.188 | 12.673 | 87,04% | 100,20% | 96,09% |
| II | CÔNG TY THƯƠNG MẠI TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ | | | | | | | | |
| 1 | Sản phẩm kinh doanh | | | | | | | | |
| | Vật tư SX Đường | Tấn | 1.194 | 1.468 | 1.189 | 721 | 99,58% | 80,99% | 60,64% |
| | Vật tư SX bánh kẹo | Tấn | 27.301 | 28.068 | 28.817 | 30.282 | 105,55% | 102,67% | 105,08% |
| | Vật tư SX Đồ uống | Tấn | 1.832 | 2.574 | 1.361 | 2.101 | 74,31% | 52,87% | 154,37% |
| | Vật tư sản xuất bao bì | Tấn | 180 | 215 | 0 | 0 | 0,00% | 0,00% | 0,00% |
| | Vật tư nông nghiệp | Tấn | 6.700 | 17.060 | 6.313 | 11.000 | 94,22% | 37,00% | 174,24% |
| | Thiết bị, phụ tùng | Tỷ đ | 75,650 | 75,029 | 54,043 | 40,464 | 71,44% | 72,03% | 74,87% |
| | Hàng hóa khác (thuốc BVTV, bao bì, nguyên phụ liệu khác) | Tỷ đ | 139,555 | 175,995 | 146,929 | 154,260 | 105,28% | 83,48% | 104,99% |
| 2 | Doanh thu thuần | Tỷ đ | 585,196 | 669,331 | 552,527 | 573,708 | 94,42% | 82,55% | 103,83% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đ | 1,786 | 1,951 | 3,211 | 4,175 | 179,77% | 164,60% | 130,00% |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đ | 0,964 | 1,399 | 0,642 | 0,835 | 66,63% | 45,91% | 130,00% |
| 5 | Thu nhập BQ NLĐ (ng/thg) | 1.000đ | 14.857 | 13.162 | 13.188 | 12.673 | 88,77% | 100,20% | 96,09% |

PHỤ LỤC 2:**THÙ LAO VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

(Kèm theo báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần về kết quả SXKD năm 2019; Phương hướng nhiệm vụ năm 2020)

I. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

| Stt | Họ và tên | Chức danh | Nghị quyết ĐHĐCĐ (đồng) | Thực hiện (đồng) | So sánh |
|-----------|-------------------------|--|-------------------------|--------------------|----------------|
| A | B | C | I | 2 | 3=2/1 |
| I | Thù lao của HĐQT | | 660.000.000 | 660.000.000 | 100% |
| 1 | Nguyễn Văn Hội | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 180.000.000 | 180.000.000 | 100% |
| 2 | Trần Thị Lệ Châm | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 120.000.000 | 120.000.000 | 100% |
| 3 | Đặng Việt Anh | Thành viên HĐQT | 120.000.000 | 120.000.000 | 100% |
| 4 | Cao Chiến Thắng | Thành viên HĐQT | 120.000.000 | 120.000.000 | 100% |
| 5 | Nguyễn Hồng Phương | Thành viên HĐQT | 120.000.000 | 120.000.000 | 100% |
| II | Thù lao của BKS | | 240.000.000 | 240.000.000 | 100% |
| 1 | Đường Thị Hồng Hải | Trưởng BKS | 120.000.000 | 120.000.000 | 100% |
| 2 | Văn Thị Quỳnh Nga | Thành viên BKS | 60.000.000 | 60.000.000 | 100% |
| 3 | Nguyễn Thị Thủy | Thành viên BKS | 60.000.000 | 60.000.000 | 100% |
| | Tổng | | 900.000.000 | 900.000.000 | 100,00% |

II. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

| Stt | Khoản mục | Thực hiện (đồng) |
|-----|------------------------------|--------------------|
| 1 | Chi phí họp HĐQT | - |
| 2 | Chi phí điện thoại, xăng dầu | 104.698.573 |
| 3 | Chi phí khác | 178.234.528 |
| | Tổng | 282.933.101 |

III. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS tối đa là 0,3% doanh thu thuần

| Stt | Khoản mục | Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (đồng) | Thực hiện (đồng) | So sánh |
|-----|-------------------|------------------------------|----------------------|---------------|
| A | B | I | 2 | 3 = 2/1 |
| 1 | Thù lao | 900.000.000 | 900.000.000 | 100,00% |
| 3 | Chi phí hoạt động | 1.994.224.174 | 282.933.101 | 14,19% |
| | Tổng | 2.968.400.971 | 1.182.933.101 | 39,85% |

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;

Căn cứ Nghị quyết số 400 /NQ-MĐI-HĐQT ngày 19 /6/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần,

Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC và được Ban kiểm soát Tổng công ty thẩm định; Và kế hoạch tài chính năm 2020 của Tổng công ty như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

1.1. Tài sản, nguồn vốn

(Đơn vị tính: đồng)

| Chỉ tiêu | Tại thời điểm 31/12/2019 | Tại thời điểm 01/01/2019 |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Tài sản | 1.056.189.306.958 | 1.207.677.453.566 |
| A - Tài sản ngắn hạn | 522.823.931.709 | 687.121.152.520 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.321.778.151 | 18.490.376.564 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 463.796.760.087 | 622.745.238.408 |
| IV. Hàng tồn kho | 49.030.800.120 | 41.302.747.081 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 5.674.593.351 | 4.582.790.467 |
| B - Tài sản dài hạn | 533.365.375.249 | 520.556.301.046 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 236.972.270.400 | 232.386.131.200 |
| II. Tài sản cố định | 6.549.922.849 | 7.331.856.846 |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | | |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 289.843.182.000 | 280.838.313.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | | |
| Nguồn vốn | 1.056.189.306.958 | 1.207.677.453.566 |
| A - Nợ phải trả | 586.746.415.871 | 708.862.164.572 |
| I. Nợ ngắn hạn | 586.746.415.871 | 695.370.828.297 |
| II. Nợ dài hạn | | 13.491.336.275 |
| B - Vốn chủ sở hữu | 469.442.891.087 | 498.815.288.994 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 469.389.000.273 | 498.761.398.180 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 53.890.814 | 53.890.814 |

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

- Tổng doanh thu : 989.466.990.418 đồng
- Tổng chi phí : 986.777.775.664 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.689.214.754 đồng
- Thuế TNDN phải nộp: 1.203.329.859 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.485.884.895 đồng

(Gửi kèm thư kiểm toán)

2. Kế hoạch tài chính năm 2020

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

| Stt | Chỉ tiêu | Số tiền |
|--------------------------|---|--------------------|
| SỐ DƯ TIỀN ĐẦU KỲ | | 4.321.778 |
| A | THU TRONG KỲ | 961.021.382 |
| 1 | Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 586.316.190 |
| 2 | Thu từ hoạt động tài chính | 14.705.192 |
| a | Cổ tức | 4.485.192 |
| b | Lãi tiền gửi, tiền cho vay, khác | 10.220.000 |
| 4 | Thu từ tiền vay vốn ngân hàng | 360.000.000 |
| B | CHI TRONG KỲ | 958.334.953 |
| 1 | Chi trả khách hàng | 640.225.298 |
| 2 | Chi trả lãi vay | 33.600.000 |
| 3 | Chi trả gốc vay | 252.000.000 |
| 4 | Chi cổ tức | |
| 5 | Chi mua sắm tài sản | |
| 6 | Chi nộp ngân sách | 2.500.000 |
| 7 | Chi phí bán hàng | 3.895.758 |
| 8 | Chi phí quản lý | 26.083.897 |
| 9 | Chi cho vay, đầu tư vào đơn vị khác | |
| C | CÂN ĐỐI | |
| 1 | Thu trong kỳ | 961.021.382 |
| 2 | Chi trong kỳ | 958.334.953 |
| TỔN CUỐI KỲ | | 7.008.208 |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD TCT;
- Các phòng ban, chi nhánh TCT;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP được lập ngày 31 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Handwritten signature

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2020

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

11001
CỔ
ĐÁCH
HÀNG
A
OÁN

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020

Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Mía đường I – Công ty CP.
Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của BKS Tổng Công ty Mía đường I – Công ty CP.
Ban kiểm soát Tổng Công ty Mía đường I – Công ty CP trân trọng báo cáo và kiểm điểm trước Đại hội về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019; Kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát năm 2020. Cụ thể như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

I. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Tổ chức:

Ban kiểm soát Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần nhiệm kỳ II (2018-2022) hiện tại gồm 3 thành viên do bà Đường Thị Hồng Hải làm trưởng ban, bà Văn Thị Quỳnh Nga và bà Lê Thị Thủy làm thành viên.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra và giám sát các mặt hoạt động của Tổng Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty Mía đường I và Luật Doanh nghiệp. BKS thực hiện giám sát tuân thủ theo các nội dung của Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, các quy chế quy định của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. Giám sát việc khắc phục những tồn tại và giải quyết các kiến nghị của Ban Kiểm soát đã đánh giá qua các kỳ kiểm tra. Thành viên BKS thường xuyên liên lạc để trao đổi các công việc và nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Tổng Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ một cách khách quan, trung thực, cẩn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách nhà nước và điều lệ của Tổng Công ty. Về cơ bản, Ban kiểm soát đã hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ của Tổng Công ty. Cụ thể như sau

1. Giám sát hoạt động quản lý của HĐQT; hoạt động điều hành của BĐH và các hoạt động của Tổng Công ty.

2. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

3. Thẩm định báo cáo tài chính.

II. Kết quả hoạt động giám sát:

1. Kết quả giám sát đối với công tác quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban điều hành và cán bộ quản lý.

1.1 Kết quả giám sát:

HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành trên các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2019, đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ giao theo đúng mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty. Nội dung các cuộc họp, các nghị quyết đều đã thông qua lấy đầy đủ các ý kiến của các thành viên HĐQT.

Ban điều hành của Tổng Công ty đã bám sát và triển khai thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, quyết định của HĐQT. Đã tập trung điều hành sản xuất linh hoạt, kịp thời, chủ động rà

soát, tập trung các nguồn lực, chủ động đối phó với các khó khăn, cân đối các chỉ tiêu kế hoạch và chương trình nhiệm vụ năm 2019.

Các thành viên trong Ban điều hành và cán bộ quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật nhà nước, điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của TCT, đúng với chủ trương, định hướng của HĐQT.

1.2. Đánh giá chung:

Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành cơ bản đã tuân thủ theo quy định của pháp luật nhà nước và điều lệ tổ chức hoạt động của TCT, chấp hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ và thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Trong quá trình kiểm soát năm 2019, Ban kiểm soát chưa nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến hoạt động SXKD của Tổng Công ty Mía đường I – Công ty CP.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty Mía đường I – Công ty CP:

2.1 Kết quả thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh:

Năm 2019 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế đặc biệt là ngành mía đường, tình hình buôn lậu, bán phá giá, trốn thuế, diễn biến phức tạp, giá bán đường giảm sâu, tồn kho lớn, nhiều doanh nghiệp mía đường thua lỗ, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc phá sản.

Dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành và sự nỗ lực của tập thể CBCNV trong Tổng Công ty, các chỉ tiêu chủ yếu đạt được theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019: Chỉ tiêu doanh thu đạt 84,33% KH năm và bằng 70,6% so với năm 2018; LN trước thuế đạt 33,6% KH năm và bằng 10,08% so với năm 2018; chỉ tiêu Thu nhập BQNLD đạt 98,3% KH năm và bằng 86,22% so với năm 2018; nộp NS đạt 62,03% KH năm và bằng 51,28% so với năm 2018.

Biểu 01: Kết quả thực hiện KH SXKD năm 2019

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2018 | Năm 2019 | | So sánh | |
|-----|------------------------------------|------------|--------------------|-----------|-----------|---------------|---------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | TH2019/TH2018 | TH2019/KH2019 |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4=3/1 | 5=3/2 |
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1.401,578 | 1.173,315 | 989,467 | 70.60% | 84.33% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 26,689 | 8,003 | 2,689 | 10,08% | 33,6% |
| 3 | Nộp ngân sách NN | Tỷ đồng | 3,069 | 2,537 | 1,574 | 51.28% | 62.03% |
| 4 | Thu nhập BQ người lao động (ng/th) | Triệu đồng | 15,005 | 13,162 | 12,938 | 86,22% | 98,3% |
| 5 | Cổ tức | % | 3% | | | | |

2.2 Kết quả thực hiện các Nghị quyết khác của ĐHĐCĐ:

- Kết quả thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và cổ đông: Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước; Thực hiện nghĩa vụ đối với cổ đông theo đúng Điều lệ của Tổng Công ty.

- Về việc trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng Công ty hàng năm thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, đúng Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

- Việc chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2019 được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Tổng số thù lao và chi phí hoạt động năm 2019 của HĐQT và BKS là 1,182 tỷ đồng bằng 86% so với chi phí thực hiện năm 2018 – bằng 40,9% KH được phê duyệt, trong đó chi phí cho thù lao của HĐQT và BKS lần lượt là 900 triệu, chi phí hoạt động còn lại là 282 triệu đồng.

III/ Kết quả thẩm định, thẩm tra:

1. Kết quả thẩm định báo cáo kết quả SXKD, báo cáo đánh giá công tác quản trị của HĐQT trình lên ĐHĐCĐ thường niên:

Qua thẩm định BKS thống nhất nội dung và kết quả được nêu trong báo cáo đánh giá của HĐQT trình Đại hội.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Xét trên các phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, các báo cáo được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Tổng Công ty đã chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định của Nhà nước, theo đúng điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty. Tình hình tài chính của TCT khá lành mạnh, vốn và tài sản được sử dụng đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

- Tại thời điểm BKS kiểm tra, VP Tổng Công ty đã nhận được hầu hết các Biên bản đối chiếu công nợ, qua xem xét không thấy có sai lệch về số liệu công nợ đối chiếu trên sổ sách với các đối tượng nợ. Định kỳ Tổng Công ty tổ chức kiểm kê, qua kiểm kê, BKS nhận thấy không có sự sai lệch giữa thực tế và sổ sách. Tại Công ty TM TV & ĐT tỷ lệ đối chiếu công nợ có xác nhận còn thấp.

* Về các khoản chi phí năm 2019:

- Chi phí bán hàng: Năm 2019 chi phí bán hàng của Tổng Công ty là 10,6 tỷ đồng, bằng 1,11% doanh thu thuần năm 2019, tăng 0,29% so với năm 2018.

- Chi phí tài chính: Chi phí tài chính của Tổng Công ty năm 2019 là 14,1 tỷ đồng, bằng 1,47% do với doanh thu thuần năm 2019, giảm 0,15% so với năm 2018.

- Chi phí quản lý DN của Tổng Công ty năm 2019: là 27,2 tỷ đồng, bằng 2,83% doanh thu thuần 2019, tăng 1,76% so với năm 2018 (năm 2018 tỷ lệ chi phí QLDN/DTT là 1,07%), lý do giảm các chi phí chung nhưng tăng chi phí trích lập dự phòng phải thu là 19,094 tỷ đồng. Nếu không tính chi phí trích lập dự phòng thì CP quản lý năm 2019 là 8,1 tỷ đồng - bằng 0,85% doanh thu thuần, giảm 0,22% so với năm 2018.

* Về cơ cấu và hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn:

- Hiệu quả hoạt động SXKD: Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 33,6% kế hoạch năm và đạt 10,08% so với cùng kỳ năm 2018.

- Các chỉ số về tỷ suất sinh lời:

+ Tỷ suất Lợi nhuận gộp/doanh thu: năm 2019 là 3,16%, cùng kỳ năm 2018 là 2,88%.

+ Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 chỉ đạt 70,6%.

+ Tỷ lệ VCSH/tổng nguồn vốn: Năm 2019 là 44,4%, so với cùng kỳ năm 2018 là 41,3% tăng 3,1%.

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần năm 2019 là 0,28% - giảm 1,67% so với cùng kỳ năm 2018;

+ Vòng quay tổng tài sản: Năm 2019 Tỷ suất doanh thu thuần/ tổng tài sản bình quân bằng 0,91 – phản ánh giá hiệu quả sử dụng của toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, cho thấy 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 0,91 đồng doanh thu. Tỷ lệ này năm 2018 là 1,13.

* Về khả năng thanh toán:

- Khả năng thanh toán hiện hành (tổng tài sản/nợ phải trả) là 1,8 - khả năng trả nợ hiện hành của Tổng Công ty ở mức trung bình và tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2018. Năm 2018 tỷ lệ này là 1,7.

- Khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn năm 2019 (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 0,89 < 1 - Tỷ lệ này ở dưới mức cho phép cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của Công ty không tốt. Kém hơn so với cùng kỳ năm 2018 tỷ lệ này là 0,99.

- Khả năng thanh toán nhanh năm 2019 (TSNH – hàng tồn kho/nợ ngắn hạn) là 0,81- Tỷ lệ này < 1 cho thấy khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty không tốt, và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 tỷ lệ này là 0,93.

- Về công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2019 tương đối cao và chưa nhận đủ DCCN có xác nhận.

* Việc đầu tư vốn của TCT tại các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và Công ty khác khác năm 2019 hiệu quả thấp và bằng 41% so với năm 2018. Do năm 2019 chỉ thu được cổ tức của Công ty CP Bánh kẹo Hải châu và Công ty CP Bia rượu nước giải khát Viger. Còn lại Công ty CP Mía đường Sơn dương, Công ty Đường mía Việt nam – Đài loan, Tổng Công ty Mía đường II.. đều không chia cổ tức.

PHẦN II: NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. Nhiệm vụ chung:

1. BKS thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. Kiểm tra định kỳ theo chương trình hoạt động, ngoài ra BKS sẽ kiểm tra đột xuất khi thấy có dấu hiệu vi phạm chế độ, điều lệ của TCT hoặc khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty hoặc khi có yêu cầu của đối tượng khác khi có quy định.

II. Nhiệm vụ cụ thể: BKS thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, tập trung triển khai chương trình công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2018-2022, trong đó thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ chính:

Một là kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Tổng Công ty

Hai là thẩm định các báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính.

Ba là phân tích đánh giá và đề xuất các kiến nghị.

Bốn là thu thập thông tin, trao đổi thông tin với các thành viên HĐQT, BĐH và cổ đông.

Năm là thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin và những công việc phát sinh khác.

III. Các giải pháp và tổ chức thực hiện:

1. Trưởng BKS đã phân công nhiệm vụ theo chương trình công tác năm 2020 cho các thành viên. Các thành viên BKS thực hiện chương trình công tác theo phân công nhiệm vụ một cách độc lập và chủ động.

2. Sau mỗi đợt kiểm tra định kỳ, mỗi thành viên BKS phải viết báo cáo kết quả thực hiện theo nhiệm vụ được phân công. Trưởng BKS có trách nhiệm tổng hợp, lập biên bản và báo cáo theo quy định.

3. BKS họp định kỳ vào những đợt kiểm tra để trao đổi thảo luận và kiểm điểm rút kinh nghiệm, ngoài ra tùy theo tình hình cụ thể trưởng BKS có thể triệu tập các cuộc họp khi cần thiết hoặc sẽ trao đổi công việc bằng điện thoại hoặc thư điện tử.

PHẦN III: KIẾN NGHỊ:

1. Về công tác kinh doanh thương mại, dịch vụ:

Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Văn phòng TCT và Công ty TM Tư vấn & đầu tư kinh doanh chủ yếu là mặt hàng đường, mật rỉ của các đơn vị trong TCT và các vật tư nguyên liệu phục vụ cho hoạt động nội khối tại các đơn vị trong TCT, chưa mở rộng được ra thị trường bên ngoài TCT, đề nghị tiếp tục khai thác để mở rộng mặt hàng, thị trường kinh doanh, đảm bảo hiệu quả và an toàn và khai thác tối đa lợi thế của Tổng công ty.

2. Công tác tài chính kế toán:

Đề nghị theo dõi các khoản phải thu, phân loại đối tượng công nợ, đối chiếu công nợ đầy đủ, giảm dư nợ phải thu tối đa để tăng nhanh vòng quay vốn, cải thiện khả năng thanh toán, hạn chế vốn bị chiếm dụng.

Quyết toán và đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư của TCT.

Tiếp tục quản lý và hạch toán kế toán theo đúng quy trình, đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

Tích cực tiết giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý.

Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2018 theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát:

Đề nghị trường ban kiểm soát ở các doanh nghiệp là Công ty con của TCT gửi báo cáo kiểm soát hàng năm cho Ban kiểm soát TCT trước 15 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông TCT.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2019, kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020 nhiệm kỳ II (2018-2022) của Ban kiểm soát Tổng Công ty Mía đường I – Công ty CP. Báo cáo này đã được thông qua HĐQT trước khi trình lên đại hội đồng cổ đông.

BSK xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hỗ trợ của HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban chức năng trong Tổng Công ty, cổ đông TCT MĐI đã giúp đỡ BSK thực hiện nhiệm vụ. Rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ của các Quý vị cho BSK trong thời gian tới.

Trong phạm vi có hạn, báo cáo của BKS không tránh khỏi những hạn chế, rất mong nhận được sự đóng góp của HĐQT, BDH Tổng Công ty và các Quý vị cổ đông để BKS hoàn thiện và rút kinh nghiệm cho thời gian tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đường Thị Hồng Hải

Biểu số 02: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020)

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 | So sánh 2019/2018 |
|----|---------------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=1/2 |
| 1 | Doanh thu BH & CCDV | 964,741,391,190 | 1,366,304,308,387 | 70.6% |
| 2 | Giảm trừ DT | | | |
| 3 | Doanh thu thuần BH & CCDV | 964,741,391,190 | 1,366,304,308,387 | 70.6% |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 934,302,652,656 | 1,327,005,207,770 | 70.4% |
| 5 | Lợi nhuận gộp về BH & CCDV | 30,438,738,534 | 39,299,100,617 | 77.5% |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 22,201,398,809 | 32,655,197,102 | 68.0% |
| 7 | Chi phí tài chính | 14,163,129,326 | 22,047,156,809 | 64.2% |
| | <i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i> | <i>12,549,770,158</i> | <i>19,660,332,937</i> | <i>63.8%</i> |
| 8 | Chi phí bán hàng | 10,672,590,807 | 11,163,436,946 | 95.6% |
| 9 | Chi phí quản lý DN | 27,254,738,402 | 14,583,602,120 | 186.9% |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 549,678,808 | 24,160,101,844 | 2.3% |
| 11 | Thu nhập khác | 2,524,200,419 | 2,618,493,859 | 96.4% |
| 12 | Chi phí khác | 384,664,473 | 89,367,518 | 430.4% |
| 13 | Lợi nhuận khác | 2,139,535,946 | 2,529,126,341 | 84.6% |
| 14 | Tổng LN Kế toán trước thuế | 2,689,214,754 | 26,689,228,185 | 10.1% |
| 15 | Thuế TNDN hiện hành | 1,203,329,859 | 4,793,607,424 | 25.1% |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế | 1,485,884,895 | 21,895,620,761 | 6.8% |

Biểu số 03: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2019
(Kèm theo Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHDCĐ thường niên năm 2020)

| Chỉ tiêu | Mã số | Tại thời điểm 31/12/2019 | Tại thời điểm 01/01/2019 |
|--|------------|-----------------------------|-----------------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 522,823,931,709 | 687,121,152,520 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4,321,778,151 | 18,490,376,564 |
| 1. Tiền | 111 | 4,321,778,151 | 18,490,376,564 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | |
| III. Các khoản phải thu | 130 | 463,796,760,087 | 622,745,238,408 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 409,105,151,998 | 392,418,472,454 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 26,178,619,528 | 123,573,092,932 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 7,000,000,000 | 7,000,000,000 |
| 4. Các khoản phải thu khác | 136 | 46,980,646,936 | 107,740,525,668 |
| 5. Dự phòng các khoản p.thu khó đòi (*) | 137 | (25,467,658,375) | (7,986,852,646) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 49,030,800,120 | 41,302,747,081 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 50,313,802,902 | 41,666,747,081 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | (1,283,002,782) | (364,000,000) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 5,674,593,351 | 4,582,790,467 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 5,292,333,192 | 4,345,083,087 |
| 2. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước | 153 | 382,260,159 | 237,707,380 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 533,365,375,249 | 520,556,301,046 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 236,972,270,400 | 232,386,131,200 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 236,972,270,400 | 232,386,131,200 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 6,549,922,849 | 7,331,856,846 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | 6,549,922,849 | 7,331,856,846 |
| - Nguyên giá | 222 | 13,796,462,341 | 13,796,462,341 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | (7,246,539,492) | (6,464,605,495) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 289,843,182,000 | 280,838,313,000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 109,203,844,000 | 109,203,844,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 156,531,641,168 | 145,913,413,000 |
| 3. Góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 34,592,500,000 | 34,592,500,000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (10,484,803,168) | (8,871,444,000) |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 1,056,189,306,958 | 1,207,677,453,566 |
| NGUỒN VỐN | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 586,746,415,871 | 708.862.164.572 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 586,746,415,871 | 695.370.828.297 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 311 | 257,534,026,602 | 259,828,016,098 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 81,415,744,710 | 56,952,252,995 |
| 3. Thuế & các khoản phải nộp NN | 313 | 1,451,773,416 | 3.920.775.582 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 561,835,704 | 661,379,926 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 2,893,854,335 | 4,991,667,857 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 289,393,939 | 288,636,364 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 89,103,359,201 | 46,284,279,050 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 144,828,449,758 | 313,791,558,790 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 8,667,978,209 | 8,652,261,635 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 13,491,336,275 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 331 | | 13,491,336,275 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 469,442,891,087 | 498.815.288.994 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 469,389,000,273 | 498.761.398.180 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 430,490,990,000 | 430,490,990,000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 12,093,597,044 | 11,369,683,542 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 26,804,413,229 | 56,900,724,638 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước | | 25,318,528,334 | 35.005.103.877 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 1,485,884,895 | 21.895.620.761 |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | 53,890,814 | 53,890,814 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | 53,890,814 | 53,890,814 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 1,056,189,306,958 | 1,207,677,453,566 |

Biểu số 04: BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Số tiền | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|------|-----------------|---------------|
| 1 | Doanh thu thuần 2019 | Đồng | 964,741,391,190 | |
| 2 | Chi phí được chi theo NQ 2019 | Đồng | 2,894,224,174 | 0,3% DTT |
| 3 | Chi phí thực hiện 2019 | Đồng | 1,182,933,101 | |
| 3.1 | Thù lao | Đồng | 900,000,000 | |
| 3.2 | Chi phí hoạt động khác | Đồng | 282,933,101 | |
| 4 | Tiết kiệm theo NQ 2019 | Đồng | 1,711,191,073 | Bằng 40,9% NQ |

Biểu số 05: BẢNG TỔNG HỢP THÙ LAO HĐQT & CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020)

| TT | Họ và tên | Chức danh | ĐVT | Theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | So sánh |
|------------|-------------------------------------|-----------------|---------|--------------------------------|-----------------------|--------------|
| | | | | Từ tháng 1- tháng 12 | Tổng phụ cấp 12 tháng | TH/NQ |
| A | B | C | | 1 | 4 | 5=4/1 |
| I | Hội đồng quản trị | | | 660,000,000 | 660,000,000 | 100% |
| 1 | Nguyễn Văn Hội | Chủ tịch HĐQT | Đ/ng/th | 15,000,000 | 180,000,000 | |
| 2 | Cao Chiến Thắng | Thành viên HĐQT | Đ/ng/th | 10,000,000 | 120,000,000 | |
| 3 | Trần Thị Lệ Châm | Thành viên HĐQT | Đ/ng/th | 10,000,000 | 120,000,000 | |
| 4 | Đặng Việt Anh | Thành viên HĐQT | Đ/ng/th | 10,000,000 | 120,000,000 | |
| 5 | Nguyễn Hồng Phương | Thành viên HĐQT | Đ/ng/th | 10,000,000 | 120,000,000 | |
| II | Ban kiểm soát | | | 240,000,000 | 240,000,000 | 100% |
| 1 | Đường Thị Hồng Hải | Trưởng BKS | Đ/ng/th | 10,000,000 | 120,000,000 | |
| 2 | Văn Thị Quỳnh Nga | Thành viên BKS | Đ/ng/th | 5,000,000 | 60,000,000 | |
| 3 | Nguyễn Thị Thùy | Thành viên BKS | Đ/ng/th | 5,000,000 | 60,000,000 | |
| III | Tổng cộng thù lao HĐQT + BKS | | | 900,000,000 | 900,000,000 | 100% |

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;
Căn cứ Nghị quyết số 409/NQ-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần,

Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019 của Tổng công ty cụ thể như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 430.490.990.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế năm 2019 | 2.689.214.754 |
| 3 | Thuế TNDN phải nộp năm 2019 | 1.203.329.859 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (4=2-3) | 1.485.884.895 |
| 5 | Lợi nhuận của các năm trước để lại | 25.318.528.334 |
| 6 | Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2019 (4+5) | 26.804.413.229 |
| 7 | Trích lập các quỹ | 44.576.547 |
| 7.1 | Quỹ khen thưởng phúc lợi (0%) từ lợi nhuận năm 2019 | |
| 7.2 | Quỹ Đầu tư phát triển (3%) từ lợi nhuận năm 2019 | 44.576.547 |
| 7.3 | Chia cổ tức năm 2019 (0%) | 0 |
| 8 | Lợi nhuận để chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ | 12.914.729.700 |
| 9 | Lợi nhuận để lại sang năm 2020 (6-7) | 13.845.106.982 |

2. Giao cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tổ chức sử dụng hiệu quả các nguồn quỹ theo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD TCT;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên Website của TCT;
- Lưu HĐQT - VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hội

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;

Căn cứ Nghị quyết số 409/NQ-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần,

Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty với các chỉ tiêu chủ yếu cụ thể như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | So sánh KH 2020/ TH 2019 |
|-----|------------------------------------|------------|--------------------|-------------------|--------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 989,467 | 1.326,810 | 134,09% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 2,689 | 4,510 | 167,72% |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 1,129 | 0,835 | 73,94% |
| 4 | Cổ tức | % | 0 | 0 | - |
| 5 | Thu nhập BQ người lao động (ng/th) | Triệu đồng | 12,938 | 12,673 | 97,95% |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD TCT;
- Các phòng ban, chi nhánh TCT;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu HĐQT - VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hội

TỜ TRÌNH

V/v: Mức thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;
Căn cứ Nghị quyết số 409/NQ-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần,
Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty mía đường I - Công ty CP năm 2020 giảm 30% so với năm 2019 do hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Cụ thể như sau:

1.1. Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.500.000 đ/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị : 7.000.000 đồng/người/tháng.
- Tổng mức thù lao năm 2020 của HĐQT là: 462.000.000 đồng.

1.2. Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát : 7.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.500.000 đồng/người/tháng
- Tổng mức thù lao năm 2020 của BKS là: 168.000.000 đồng.

1.3. Tổng mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2020 là: 630.000.000 đồng.

1.4. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của TCT, nếu chưa có quy định mới thì tạm thực hiện theo mức thù lao năm 2020.

2. Thông qua mức thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty mía đường I - Công ty CP năm 2020 tối đa là 0,5% doanh thu thuần.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD TCT;
- Các phòng ban, chi nhánh TCT;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu HĐQT - VT.



Nguyễn Văn Hội

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I -
CÔNG TY CỔ PHẦN

Số: 416 /TTr-MĐI-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;

Căn cứ Nghị quyết số 409/NQ-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần,

Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương.

2. Đơn vị kiểm toán là một trong các Công ty có trong danh sách được phép kiểm toán Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD TCT;
- Các phòng ban, chi nhánh TCT;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên Website của TCT;
- Lưu HĐQT - VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

Số: /NQ-MĐI-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;
Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản ngày 30/6/2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo số 410 /BC-MĐI-HĐQT ngày 19 /6/2020 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Tổng doanh thu : 989,467 tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế : 2,689 tỷ đồng
3. Nộp ngân sách : 1,129 tỷ đồng
4. Cổ tức : 0%
5. Thu nhập bình quân người lao động: 12.938.000 đồng/người/tháng

Điều 2. Thông qua báo cáo số 411 /BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 về báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chủ yếu sau: (Đơn vị tính: đồng)

| Stt | Chỉ tiêu | Tại thời điểm 31/12/2019 | Tại thời điểm 01/01/2019 |
|-----------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| I | Tổng tài sản | 1.056.189.306.958 | 1.207.677.453.566 |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 522.823.931.709 | 687.121.152.520 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 533.365.375.249 | 520.556.301.046 |
| II | Tổng nguồn vốn | 1.056.189.306.958 | 1.207.677.453.566 |
| 1 | Nợ phải trả | 586.746.415.871 | 708.862.164.572 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 469.442.891.087 | 498.815.288.994 |

Điều 3. Thông qua báo cáo số 412/BC-MĐI-BKS ngày 19 /6/2020 của BKS về kết quả hoạt động năm 2019; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.

Điều 4. Thông qua tờ trình số 413/TTr-MĐI-HĐQT ngày 19 /6/2020 về phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019 như sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019:

| Stt | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|-----|--|-----------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 430.490.990.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế năm 2019 | 2.689.214.754 |
| 3 | Thuế TNDN phải nộp năm 2019 | 1.203.329.859 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (4=2-3) | 1.485.884.895 |
| 5 | Lợi nhuận của các năm trước để lại | 25.318.528.334 |
| 6 | Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2019 (4+5) | 26.804.413.229 |
| 7 | Trích lập các quỹ | 44.576.547 |

| Stt | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|-----|---|----------------|
| 7.1 | Quỹ khen thưởng phúc lợi (0%) từ lợi nhuận năm 2019 | |
| 7.2 | Quỹ Đầu tư phát triển (3%) từ lợi nhuận năm 2019 | 44.576.547 |
| 7.3 | Chia cổ tức năm 2019 (0%) | 0 |
| 8 | Lợi nhuận để chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ | 12.914.729.700 |
| 9 | Lợi nhuận để lại sang năm 2020 (6-7) | 13.845.106.982 |

2. Giao Hội đồng quản trị tổ chức sử dụng hiệu quả các nguồn quỹ theo đúng quy định của điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Điều 5. Thông qua ủy quyền cho Tổng giám đốc TCT cam kết tập trung, chủ động thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm tại báo cáo số 410/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020, tờ trình số 44/TTr-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 và kế hoạch tài chính năm 2019 tại báo cáo số 411/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020. Trong đó:

1. Kế hoạch SXKD năm 2020

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | So sánh KH 2020/ TH 2019 |
|-----|------------------------------------|------------|--------------------|-------------------|--------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 989,467 | 1.326,810 | 134,09% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 2,689 | 4,510 | 167,72% |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 1,129 | 0,835 | 73,94% |
| 4 | Cổ tức | % | 0 | 0 | - |
| 5 | Thu nhập BQ người lao động (ng/th) | Triệu đồng | 12,938 | 12,673 | 97,95% |

2. Kế hoạch tài chính năm 2020

- Số dư tiền đầu kỳ : 4.321.778.000 đồng
- Thu trong kỳ : 961.021.382.000 đồng
- Chi trong kỳ : 958.334.953.000 đồng
- Tồn cuối kỳ : 7.008.208.000 đồng

Điều 6. Thông qua kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2020 đến năm 2025 của Công ty CP mía đường Sơn Dương và Công ty CP bánh kẹo Hải Châu tại báo cáo số 410/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020. Cụ thể:

1. Tại Công ty CP mía đường Sơn Dương

1.1. Thực hiện chương trình tái cơ cấu giai đoạn 2020 đến năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----------|-----------------------------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| I | Mía nguyên liệu | | | | | | | |
| 1 | Diện tích thu hoạch | Ha | 4.197 | 6.967 | 9.467 | 10.467 | 11.267 | 12.067 |
| 2 | Năng suất | Tấn/ha | 55 | 62 | 64 | 65 | 65 | 67 |
| 3 | Sản lượng mía | Tấn | 228.000 | 425.475 | 596.800 | 670.150 | 721.370 | 791.923 |
| II | Sản xuất công nghiệp | | | | | | | |
| 1 | Giá trị TSL | Tr.đ | 334.950 | 384.821 | 531.307 | 608.574 | 658.251 | 749.698 |
| 2 | Sản lượng sản xuất | | | | | | | |
| 2.1 | Sản phẩm đường SX | Tấn | 23.385 | 45.375 | 64.264 | 72.955 | 79.396 | 88.122 |
| 2.2 | Mật ri | Tấn | 8.517 | 16.168 | 22.678 | 25.466 | 27.412 | 30.093 |
| 2.3 | Phân bón HCK | Tấn | 7.000 | 23.500 | 33.000 | 38.500 | 44.500 | 50.000 |
| 2.4 | Điện | 1.000Kw | 33.250 | 55.269 | 62.565 | 63.193 | 63.646 | 70.564 |

1.2. Hiệu quả tái cơ cấu

1.2.1. Hiệu quả từ xử lý tài chính và cơ cấu lại các khoản nợ ngân hàng

- Giảm tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào của mía nguyên liệu: 34,981 tỷ đồng.
- Giảm số nợ phải trả đến hạn trong năm 2020 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển: 13.621.104.000 đồng.
- Giảm số nợ phải trả đến hạn trong năm 2020 tại Ngân hàng phát triển: 13.790.000.000 đồng.

1.2.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

a) Kết quả sản xuất

Khai thác tối đa công suất các dây chuyền đường, phân hữu cơ khoáng và nhà máy điện - công suất ép bình quân của 2 nhà máy đường đạt 5.300 TMN (bằng 98% công suất thiết kế; Công suất bình quân của 2 dây chuyền phân bón đạt 33.583 tấn/năm (bằng 84% công suất thiết kế); Công suất bình quân của nhà máy điện đạt 59.571.000 kw/năm.

b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

| Stt | Nội dung | ĐVT | Lợi nhuận kế hoạch trước thuế | | | | | |
|-----------|--------------------------------------|------|-------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | | | Vụ 19/20 | Vụ 20/21 | Vụ 21/22 | Vụ 22/23 | Vụ 23/24 | Vụ 24/25 |
| I | KỊCH BẢN 1 - GIÁ MÍA 800 Đ/KG | | | | | | | |
| 1 | Giá đường = 11.500 đ/kg | Tr.đ | (30.651) | (14.661) | (4.253) | 19.737 | 51.489 | 113.785 |
| 2 | Giá đường = 12.000 đ/kg | Tr.đ | (17.065) | 6.947 | 26.349 | 54.478 | 89.297 | 155.748 |
| 3 | Giá đường = 12.500 đ/kg | Tr.đ | (3.479) | 28.554 | 56.951 | 89.219 | 127.105 | 197.711 |
| 4 | Giá đường = 13.000 đ/kg | Tr.đ | 10.107 | 50.161 | 87.553 | 123.959 | 164.913 | 239.673 |
| II | KỊCH BẢN 2 - GIÁ MÍA 850 Đ/KG | | | | | | | |
| 1 | Giá đường = 11.500 đ/kg | Tr.đ | (44.189) | (32.585) | (33.805) | (23.060) | 3.316 | 51.932 |
| 2 | Giá đường = 12.000 đ/kg | Tr.đ | (30.603) | (10.978) | (3.203) | 11.681 | 41.123 | 93.894 |
| 3 | Giá đường = 12.500 đ/kg | Tr.đ | (17.017) | 10.629 | 27.399 | 46.422 | 78.931 | 135.857 |
| 4 | Giá đường = 13.000 đ/kg | Tr.đ | (3.431) | 32.236 | 58.001 | 81.163 | 116.739 | 177.820 |
| C | KỊCH BẢN 3 - GIÁ MÍA 900 Đ/KG | | | | | | | |
| 1 | Giá đường = 11.500 đ/kg | Tr.đ | (57.170) | (53.484) | (63.130) | (55.989) | (32.131) | 13.019 |
| 2 | Giá đường = 12.000 đ/kg | Tr.đ | (43.584) | (31.877) | (32.528) | (21.249) | 5.677 | 54.982 |
| 3 | Giá đường = 12.500 đ/kg | Tr.đ | (29.998) | (10.270) | (1.926) | 13.492 | 43.485 | 96.944 |
| 4 | Giá đường = 13.000 đ/kg | Tr.đ | (16.412) | 11.338 | 28.676 | 48.233 | 81.293 | 138.907 |

1.2.3. Hiệu quả của cổ đông: Đến năm 2025 chỉ tiêu cổ tức tương ứng với giá đường 11.500 đ/kg; 12.000 đ/kg; 12.500 đ/kg và 13.000 đ/kg theo các kịch bản giá mía như sau:

- Giá mía nguyên liệu 800 đ/kg: Cổ tức 8%; 12%; 30% và 30%;
- Giá mía nguyên liệu 850 đ/kg: Cổ tức 5%; 8%; 15% và 25%;
- Giá mía nguyên liệu 900 đ/kg: Cổ tức 0%; 5%; 10% và 15%.

Tuy nhiên, nếu không được Chính phủ tái cơ cấu Ngành mía đường, thì Công ty CP mía đường Sơn Dương sẽ không cơ cấu lại được các nguồn lực, tài chính khó khăn, thiếu vốn để duy trì sản xuất - Công ty sẽ phải công bố dừng sản xuất từ vụ 2021 - 2022, đến khi được xử lý và đủ điều kiện phục hồi sản xuất hoặc bán khoán cho thuê (nếu có).

2. Tại Công ty CP bánh kẹo Hải Châu

2.1. Thực hiện chương trình tái cơ cấu giai đoạn năm 2020 đến năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1.1. Phát triển sản xuất

Phát triển nhanh, mạnh sản phẩm khác biệt, sản phẩm mới, đa dạng mẫu mã chủng loại; tạo giá trị và lợi ích dịch vụ tăng cao cho khách hàng. Tiếp tục thực hiện chương trình đầu tư phát triển, tăng quy mô sản xuất, trong đó tập trung hoàn thiện giai đoạn 2 nhà máy II tại Nghệ An và đầu tư xây dựng nhà máy III tại Vĩnh Long. Cụ thể:

a) Nhóm sản phẩm bánh

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất bánh đạt 30.000 tấn - tăng 9,09% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm bánh các loại đạt 16.329 tấn, tăng 212,09% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 14,09%/năm.

b) Nhóm sản phẩm kẹo

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất kẹo đạt 900 tấn - tăng 12,5% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025, sản phẩm kẹo các loại đạt 738 tấn, tăng 182,05% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 23,21%/năm.

c) Nhóm sản phẩm gia vị thực phẩm

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất gia vị thực phẩm đạt 90.000 tấn - tăng 125% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm gia vị thực phẩm đạt 79.811 tấn, tăng 165,23% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 43,95%/năm.

d) Nhóm sản phẩm đồ uống

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025 năng lực sản xuất dòng sản phẩm nước giải khát đạt 42 triệu lít/năm - tăng 600% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm đồ uống đạt 37,905 triệu lít, tăng 2.921% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 829%/năm.

2.1.2. Phát triển thị trường, thị phần

a) Thị trường trong nước: Phát triển mạnh và sâu thị trường bán lẻ tại 63 tỉnh thành - đến năm 2025 sau khi mở rộng và tổ chức lại đạt 85.000 điểm bán lẻ tăng 40% so với năm 2020.

b) Thị trường thế giới

- Xuất khẩu bánh, kẹo: đến năm 2025 có 10% ÷ 15% sản lượng sản xuất được xuất khẩu sang Châu Á.

- Xuất khẩu gia vị thực phẩm: đến năm 2025 có 5% ÷ 10% sản lượng sản xuất được xuất khẩu sang các nước Châu Á.

2.1.3. Phát triển năng lực tài chính

Nâng cao năng lực hệ thống quản lý tài chính, xây dựng nguồn lực tài chính mạnh, ít rủi ro, cải thiện các chỉ tiêu tài chính; Cân đối vốn và kiểm soát chi phí cao. Trong đó, tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ lên 238,962 tỷ đồng theo phương án chào bán cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 619/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 20/9/2018 (tăng thêm 116,667 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019).

2.2. Hiệu quả tái cơ cấu

2.2.1. Doanh thu đến năm 2025 đạt 2.802 tỷ đồng, tăng 198,56% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 59,81%/năm.

2.2.2. Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD đến năm 2025 đạt 51,834 tỷ đồng, tăng 247% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 73,34%/năm.

2.2.3. Cổ tức đến năm 2025 đạt 15% - tăng 150% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 45,31%/năm.

Điều 7. Thông qua tờ trình số 416 /TTr-MĐI-HĐQT ngày 19 /6/2020 về mức lương, thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

1. Mức thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty cụ thể như sau:

1.1. Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.500.000 đ/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị : 7.000.000 đồng/người/tháng.

1.2. Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát : 7.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.500.000 đồng/người/tháng

3. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Tổng công ty nếu chưa có quy định mới thì tạm thực hiện theo mức thù lao năm 2020.

4. Thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2019 tối đa là 0,5% doanh thu thuần.

Điều 8. Thông qua tờ trình số 416 /TTr-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 về lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Tổng công ty như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương.

2. Đơn vị kiểm toán là một trong các Công ty có trong danh sách được phép kiểm toán Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.

Điều 9. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2020. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc căn cứ thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quyết nghị nêu trong Nghị quyết này theo đúng qui định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của của Tổng công ty./.

Nơi nhận:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD;
- Các phòng ban, đơn vị;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ - CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Văn Hội